

Số: 17/NQ-HĐND

Thuận Châu, ngày 24 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
(nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung và hỗ trợ từ ngân sách trung ương)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU
KHOÁ XX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019; Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Sơn La về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 2), vốn các chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ngân sách trung ương hỗ trợ làm nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 08/10/2019 của HĐND huyện Thuận Châu về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Thuận Châu;

Xét Tờ trình số 349/TTr-UBND ngày 17/4/2020 của UBND huyện Thuận Châu; Báo cáo thẩm tra số 06/BC-KTXH ngày 23/4/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện khoá XX,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung và hỗ trợ từ ngân sách trung ương)

I. Nguyên tắc điều chỉnh

1. Tuân thủ theo đúng Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và của tỉnh.

2. Phân bổ, điều chỉnh nguồn vốn đảm bảo đúng đối tượng đầu tư của từng nguồn vốn và không vượt quá số vốn đã được cấp có thẩm quyền giao trong giai đoạn 2016-2020.

II. Phương án điều chỉnh

1. Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung

1.1. Điều chỉnh giảm: Tổng số vốn điều chỉnh giảm là 19.528,8 triệu đồng, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn bố trí cho 1 dự án dừng triển khai năm 2019 (*Đường phố Chu Văn An, thị trấn Thuận Châu*) và 3 dự án dừng triển khai năm 2020 do vướng mắc về mặt bằng trong khu đất trường Đại học Tây Bắc (*Chỉnh trang đô thị theo Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu; Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu và Khu tái định cư các dự án đầu tư trên địa bàn thị trấn Thuận Châu*); tổng số tiền 16.829,5 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 8 dự án triển khai năm 2018-2019 do hết khối lượng thanh toán: 2.699,3 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh tăng: Tổng số vốn điều chỉnh tăng cho các dự án là 19.528,8 triệu đồng, bao gồm:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho các dự án còn thiếu vốn; tổng số tiền: 6.528,8 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho 4 dự án bổ sung triển khai năm 2020; tổng số tiền: 13.000 triệu đồng (*Nhà giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của huyện Thuận Châu; Nhà Ban tiếp công dân + Công + Nhà bảo vệ Trung tâm hành chính chính trị huyện Thuận Châu; Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu; Hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại xã Tông Lạnh và thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu*).

2. Nguồn vốn theo Quyết định 2085, 2086/QĐ-TTg

Phân bổ kế hoạch vốn cho 5 dự án bổ sung triển khai năm 2020 với tổng số tiền: 13.371,0 triệu đồng (*Nâng cấp đường nội bộ trong điểm TĐC bản Pá Dứa, xã Co Tòng, huyện Thuận Châu; Đường giao thông bản Song, xã Chiềng La; Nhà văn hóa bản Song, xã Chiềng La; Nhà văn hóa bản Nong Giăng, xã Nong Lay; Đường giao thông bản Nong Giăng, xã Nong Lay*).

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 08/10/2019 của HĐND huyện Thuận Châu

(*Có biểu chi tiết kèm theo*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của nhà nước về đầu tư, xây dựng.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện, Tổ đại biểu HĐND huyện, Đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nghị quyết này được HĐND huyện Thuận Châu khóa XX - Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 24/4/2020./

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Văn phòng HĐND; UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trong huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Kiên 180b. ✓



CHỦ TỊCH

Thào A Súa

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 (vốn XDCBTT và hỗ trợ từ ngân sách Trung ương)

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/4/2020 của HĐND huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã duyệt		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TĐ: Nguồn BSCĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ				-	197.660,5	158.518,8	29.292,4	6.628,5	137.172,4	127.935,1	112.988,3	103.780,0	19.528,8	32.899,8	127.188,3	117.151,0	
1	Nguồn vốn XDCBTT					197.660,5	158.518,8	29.292,4	6.628,5	123.772,4	114.564,1	112.988,3	103.780,0	19.528,8	19.528,8	113.788,3	103.780,0	
a	Dự án hoàn thành trước 31/12/2015					20.564,3	10.280,5	15.620,9	5.337,2	4.471,9	4.471,9	4.471,9	4.471,9	-	-	4.471,9	4.471,9	-
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú. HM: Nhà ở nội trú	UBND huyện	Thị trấn	2012-2013	5207-05/12/2011	10.999,7	716,0	10.283,7		716,0	716,0	716,0	716,0			716,0	716,0	
2	Dịch chuyển đường điện tại trung tâm xã Noong Lay	UBND huyện	Noong Lay	2014-2015	3488-19/6/2014	974,0	974,0	694,9	694,9	226,3	226,3	226,3	226,3			226,3	226,3	
3	Sửa chữa nhà văn hóa huyện Thuận Châu	UBND huyện	Thị trấn	2014-2015	5465-21/10/2014	3.161,8	3.161,8	2.047,3	2.047,3	1.115,9	1.115,9	1.115,9	1.115,9			1.115,9	1.115,9	
4	Bổ sung hệ thống điện 0,4 kV cho bản Búa, bản Dùm xã Phổng Lãng	UBND huyện	Phổng Lãng	2014-2015	5467-21/10/2014	1.273,3	1.273,3	585,0	585,0	473,8	473,8	473,8	473,8			473,8	473,8	
5	Cổng thông tin tuyên truyền huyện Thuận Châu	UBND huyện	Thị trấn	2014-2015	5468-21/10/2014	2.246,2	2.246,2	900,0	900,0	1.295,0	1.295,0	1.295,0	1.295,0			1.295,0	1.295,0	
6	Sửa chữa trụ sở xã Ê Tông	UBND huyện	Ê Tông	2014-2015	4346-14/8/2014	309,3	309,3	110,0	110,0	160,6	160,6	160,6	160,6			160,6	160,6	
7	Sửa chữa chợ trung tâm xã Tông Lạnh	UBND huyện	Tông Lạnh	2015	5114-16/11/2015	1.600,0	1.600,0	1.000,0	1.000,0	484,3	484,3	484,3	484,3			484,3	484,3	
b	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020				-	21.108,1	20.002,8	13.380,2	1.000,0	4.005,5	4.005,5	4.005,5	4.005,5	-	-	4.005,5	4.005,5	
1	Thủy lợi phai Lôm, xã Chiềng Pắc	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016	6015-12/11/2014	1.129,8	1.073,3	1.001,0		109,0	109,0	109,0	109,0			109,0	109,0	
2	Kênh Co Cại, xã Tông Lạnh	UBND huyện	Tông Lạnh	2015-2016	6047-14/11/2014	1.149,2	1.091,8	956,3		158,2	158,2	158,2	158,2			158,2	158,2	
3	Thủy Lợi Nà Man, xã Tông Lạnh	UBND huyện	Tông Lạnh	2015-2016		1.753,1	1.665,4	900,0		694,1	694,1	694,1	694,1			694,1	694,1	
6	Đường 107 - Trụ sở làm việc UBND xã Tông Cọ	UBND huyện	Tông Cọ	2015-2016	2470-04/8/2015	997,5	897,7	601,4		343,1	343,1	343,1	343,1			343,1	343,1	
7	Cầu Tả Long, xã Chiềng Pắc	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016	4638-30/10/2015	1.011,5	960,9	675,0		210,8	210,8	210,8	210,8			210,8	210,8	
8	Cầu qua suối tuyến đường bản Co Trang, xã Bon Phặng	UBND huyện	Bon Phặng	2015-2016	4293-22/10/2015	867,2	823,8	545,0		262,0	262,0	262,0	262,0			262,0	262,0	
9	Cầu qua suối bản Mế, xã Bon Phặng	UBND huyện	Bon Phặng	2015-2016	4294-22/10/2015	511,5	486,0	413,7		40,0	40,0	40,0	40,0			40,0	40,0	
10	Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm xã Phổng Lái	UBND huyện	Phổng Lái	2015-2016	3968 - 22/7/2014	4.996,1	4.746,3	2.796,1	1.000,0	203,3	203,3	203,3	203,3			203,3	203,3	
11	Cầu qua suối bản Pom Khoáng A, B và trường THCS Chiềng Bôm	UBND huyện	Chiềng Bôm	2015-2015	1966-29/6/2015	1.553,3	1.475,6	720,0		451,4	451,4	451,4	451,4			451,4	451,4	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã duyệt		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
12	Cầu qua suối bản Nà Lét, Nà Trang và trường THCS Chiềng Bôm	UBND huyện	Chiềng Bôm	2015-2016	1944-25/6/2015	1.447,9	1.375,5	650,0		509,4	509,4	509,4	509,4			509,4	509,4	
13	Sửa chữa thủy lợi phai Nôm	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016	4237-20/10/2015	1.067,0	1.013,6	750,0		260,0	260,0	260,0	260,0			260,0	260,0	
14	Sửa chữa thủy lợi phai Có	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016	4235-20/10/2015	1.105,1	1.049,9	750,0		250,0	250,0	250,0	250,0			250,0	250,0	
15	Sửa chữa thủy lợi phai Nà Man	UBND huyện	Tổng Lãnh	2015-2016	4236-20/10/2015	548,2	520,8	400,0		60,0	60,0	60,0	60,0			60,0	60,0	
16	Sửa chữa thủy lợi Lót Mán	UBND huyện	Bó Mười	2015-2016	4254-21/10/2015	981,5	932,4	650,0		221,7	221,7	221,7	221,7			221,7	221,7	
17	Thủy lợi bản Long Lầu	UBND huyện	Nậm Lầu	2015-2016	4238-20/10/2015	935,6	888,8	650,0		170,0	170,0	170,0	170,0			170,0	170,0	
18	Thủy lợi Nà Lanh, xã Ê Tông	UBND huyện	Ê Tông	2015-2016	5514-24/10/2014	1.053,6	1.001,0	921,6		62,6	62,6	62,6	62,6			62,6	62,6	
c	Dự án khởi công mới năm 2016-2018					57.101,4	49.348,7	291,3	291,3	50.948,5	43.328,9	50.948,5	43.328,9	800,0	-	50.948,5	42.528,9	
1	Nhà kho lưu trữ + phòng họp BCH Đảng bộ huyện	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2016-2017	903-30/3/2016	12.705,2	12.705,2			12.566,3	12.566,3	12.566,3	12.566,3			12.566,3	12.566,3	
2	Cầu bản Nà Viêng 2, xã Bó Mười	BQLDA ĐTXD	Bó Mười	2016-2017	2876-29/8/2017	1.596,0	1.516,2	291,3	291,3	1.217,7	1.137,9	1.217,7	1.137,9			1.217,7	1.137,9	
3	Nước sinh hoạt Búa Bon, xã Chiềng Ngâm	BQLDA ĐTXD	Chiềng Ngâm	2016-2017	3886-07/11/2016	1.213,7				1.005,5	5,5	1.005,5	5,5			1.005,5	5,5	
4	Nước sinh hoạt bản Han, xã Mường Khiêng	BQLDA ĐTXD	Mường Khiêng	2016-2017	3884-07/11/2016	1.211,3				1.080,8	9,7	1.080,8	9,7			1.080,8	9,7	
5	Nhà kho lưu trữ của UBND huyện và các phòng, ban chuyên môn huyện	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2016-2018	904-30/3/2016	3.607,3	3.607,3			2.889,0	2.889,0	2.889,0	2.889,0			2.889,0	2.889,0	
6	Nhà tưởng niệm chủ tịch HCM	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2017-2018	3747-28/10/2016	10.503,8	8.003,8			8.959,5	6.459,5	8.959,5	6.459,5			8.959,5	6.459,5	
7	Trạm y tế xã Bon Phàng	BQLDA ĐTXD	Bon Phàng	2017-2018	3748-28/10/2016	3.227,6	3.227,6			2.882,2	2.882,2	2.882,2	2.882,2			2.882,2	2.882,2	
8	Chợ xã Muối Nọi	BQLDA ĐTXD	Muối Nọi	2017-2020	3750-31/10/2016	6.246,5	6.246,5			6.246,5	4.399,7	6.246,5	4.399,7	800,0		6.246,5	3.599,7	
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện trong khuôn viên trung tâm hành chính chính trị huyện	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2017-2018	3709-25/10/2016	437,3	437,3			384,6	384,6	384,6	384,6			384,6	384,6	
10	Nghĩa trang nhân dân huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2017-2018	3706-25/10/2016	9.648,4	7.148,4			7.701,2	7.701,2	7.701,2	7.701,2			7.701,2	7.701,2	
11	Kê trường tiểu học Muối Nọi	BQLDA ĐTXD	Muối Nọi	2017-2018	3300-26/9/2017	449,0	449,0			432,878	432,878	432,878	432,878			432,9	432,9	
12	Tuyến đường kiểu mẫu huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2018-2019	3423-04/10/2017	1.982,9	1.982,9			1.925,6	1.925,6	1.925,6	1.925,6			1.925,6	1.925,6	
13	Nước sinh hoạt bản Bía, xã Phổng Lăng	BQLDA ĐTXD	Phổng Lăng	2018-2019	3264-22/9/2017	478,8	430,9			427,5	379,5	427,5	379,5			427,5	379,5	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã duyệt		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TĐ: Nguồn BSCĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
14	Phòng chức năng trường tiểu học Bon Phăng, xã Bon Phăng	BQLDA ĐTXD	Bon Phăng	2018-2019	3049-01/9/2017	942,8	942,8			817,6	600,0	817,6	600,0			817,6	600,0	
15	Đường liên xã bản De, xã Tông Lạnh - bản Nà Tong, xã Chiềng Ly	BQLDA ĐTXD	Tlanh, Chiềng Ly	2018-2019	3127-12/9/2017	1.969,9	1.769,9			1.666,3	810,0	1.666,3	810,0			1.666,3	810,0	
16	Phòng chức năng trường mầm non Hoa Ban 2, xã Tông Lạnh	BQLDA ĐTXD	Tông Lạnh	2018-2019	2644-10/8/2017	880,9	880,9			745,267	745,267	745,3	745,3			745,3	745,3	
d	Dự án khởi công mới năm 2019					60.849,9	40.849,9	-	-	45.037,4	43.448,6	33.431,9	31.843,1	4.907,4	6.528,8	35.053,3	33.464,5	
1	Nhà hiệu bộ trưởng THCS Chu Văn An	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	3229 - 23/10/2018	3.996,7	3.996,7			3.769,1	3.769,1	3.996,7	3.996,7	227,7		3.769,1	3.769,1	
2	Rải nhựa đường apphan phố Pha Luông, phố Hoong Áng, thị trấn Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	3289 - 29/10/2018	777,0	777,0			704,0	704,0	777,0	777,0	73,0		704,0	704,0	
3	Trường mầm non Sơn Ca, thị trấn Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	3243 - 23/10/2018	10.500,0	10.500,0			10.488,2	10.488,2	10.500,0	10.500,0	11,8		10.488,2	10.488,2	
4	Hệ thống hạ tầng trung tâm xã Noong Lay	BQLDA ĐTXD	Noong Lay	2019-2020	3228 - 22/10/2018	7.491,2	7.491,2			7.491,2	7.491,2	4.473,2	4.473,2		1.746,8	6.220,0	6.220,0	
5	Sửa chữa Nhà làm việc C3, C4 trung tâm hành chính chính trị huyện	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	3236 - 23/10/2018	1.712,9	1.712,9			1.712,9	1.712,9	1.712,9	1.712,9	39,6		1.673,3	1.673,3	
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm y tế thị trấn	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	3028 - 28/9/2018	877,1	877,1			877,1	877,1	877,1	877,1	55,3		821,8	821,8	
7	Đường phố Chu Văn An, thị trấn Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2019-2020						4.500,0	4.500,0	4.500,0	4.500,0	4.500,0		-	-	
8	Hạ tầng khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	3296 - 20/10/2018	6.595,0	6.595,0			6.595,0	5.006,2	6.595,0	5.006,2			6.595,0	5.006,2	
9	Hội trường huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2018-2020	1387 - 04/6/2019	28.900,0	8.900,0			8.900,00	8.900,00				4.782,0	4.782,0	4.782,0	
d	Dự án khởi công mới năm 2020					38.036,9	38.036,9	-	-	16.506,9	16.506,9	17.328,4	17.328,4	13.821,4	13.000,0	16.506,9	16.506,9	
1	Bến nước phòng cháy chữa cháy thị trấn	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020	2799- 25/10/2019	1.499,1	1.499,1			1.499,1	1.499,1	1.499,1	1.499,1			1.499,1	1.499,1	
2	Sửa chữa nhà C2 - trung tâm hành chính chính trị huyện	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020	2891- 30/10/2019	600,0	600,0			600,0	600,0	1.499,8	1.499,8	899,8		600,0	600,0	
3	Sửa chữa nhà A - trung tâm hành chính chính trị huyện	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020	2890- 30/10/2019	1.407,8	1.407,8			1.407,8	1.407,8	2.000,0	2.000,0	592,2		1.407,8	1.407,8	
4	Chỉnh trang đô thị theo Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020-2021	2830 28/10/2019	18.100,0	18.100,0					6.335,0	6.335,0	6.335,0		-	-	
5	Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020-2021	1259 - 27/5/2019	13.392,0	13.392,0					2.956,5	2.956,5	2.956,5		-	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã duyệt		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn BSCĐ	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TĐ: Nguồn BSCĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
6	Khu tái định cư các dự án đầu tư trên địa bàn thị trấn Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020	1258 - 27/5/2019	3.038,0	3.038,0					3.038,0	3.038,0	3.038,0		-	-	
7	Nhà giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020						2.100,00	2.100,00				2.100,0	2.100,0	2.100,0	
8	Nhà Ban tiếp công dân + Công + Nhà bảo vệ Trung tâm hành chính chính trị huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020						3.600,00	3.600,00				3.600,0	3.600,0	3.600,0	
9	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Thị trấn	2020						4.500,00	4.500,00				4.500,0	4.500,0	4.500,0	
10	Hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại xã Tông Lanh và thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Tông Lanh, Thị trấn	2020						2.800,00	2.800,00				2.800,0	2.800,0	2.800,0	
f	Đổi ứng Chương trình kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2017-2020									2.802,2	2.802,2	2.802,2	2.802,2			2.802,2	2.802,2	
II	Nguồn vốn theo Quyết định 2085, 2086/QĐ-TTg				-	-	-	-	-	13.400,0	13.371,0	-	-	-	13.371,0	13.400,0	13.371,0	Vốn bổ sung
a	Nguồn vốn Quyết định 2085/QĐ-TTg					-	-	-	-	2.400,0	2.371,0	-	-	-	2.371,0	2.400,0	2.371,0	
1	Nâng cấp đường nội bộ trong điểm TĐC bản Pá Dúa, xã Co Tông, huyện Thuận Châu	BQLDA ĐTXD	Co Tông	2020						2.400,0	2.371,00				2.371,00	2.400,0	2.371,0	
b	Nguồn vốn Quyết định 2086/QĐ-TTg					-	-	-	-	11.000,0	11.000,0	-	-	-	11.000,0	11.000,0	11.000,0	-
1	Đường giao thông bản Song, xã Chiềng La	BQLDA ĐTXD	Chiềng La	2020-2021						7.600,00	7.600,00				7.600,0	7.600,0	7.600,0	
2	Nhà văn hóa bản Song, xã Chiềng La	BQLDA ĐTXD	Chiềng La	2020-2021						950,00	950,00				950,0	950,0	950,0	
3	Nhà văn hóa bản Nong Giăng, xã Nong Lay	BQLDA ĐTXD	Nong Lay	2020-2021						750,00	750,00				750,0	750,0	750,0	
4	Đường giao thông bản Nong Giăng, xã Nong Lay	BQLDA ĐTXD	Nong Lay	2020-2021						1.700,00	1.700,00				1.700,0	1.700,0	1.700,0	